TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 04-01 -2018
V/v ly hôn giữa bà D và ông H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hải

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 505/2017/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2017/QĐXX - ST ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị D, sinh năm 196X; ĐKHKTT: Số 34/225 T, phường T, quận L, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 3/225 T, phường T, quận L, Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 196Y; ĐKHKTT: Số 34/225 T, phường T, quận L, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 3/225 T, phường T, quận L, Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị D trình bày: Bà và ông H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau vào năm 1992 có đăng ký kết hôn theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01 ngày 29/10/2001 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận L, Hải Phòng.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình tình không phù hợp nhau, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Từ năm 2015 đến nay hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà D đề nghị Tòa án nhân dân quận Lê Chân giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 13/02/199P đến nay đã thành niên, Nguyễn Duy Q, sinh ngày 07/11/200L và Nguyễn Quang M, sinh ngày 07/11/200L. Sau khi ly hôn, bà D có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Duy Q và Nguyễn Quang M khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H khai:

Ông thống nhất với lời khai của bà D về điều kiện kết hôn. Ông thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống trong cách làm ăn, sinh hoạt. Từ năm 2004 đến năm 2015, bà D phải đi chấp hành án vì có hành vi mua bán trái phép chất ma túy, ông phải một mình đi làm kiếm tiền nuôi cả ba con chung từ đó đến nay. Từ ngày bà D về ông vẫn tạo điều kiện để bà D gặp gỡ chăm sóc các con chung. Nay bà D có đơn xin ly hôn, do các con còn nhỏ muốn giữ cả bố và mẹ cho con nên ông không đồng ý ly hôn mà chỉ đồng ý có thể sống ly thân mỗi người một nơi đến khi các con trưởng thành nếu xét thấy cần thiết ông sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 13/02/199P đến nay đã thành niên, Nguyễn Duy Q, sinh ngày 07/11/200L và Nguyễn Quang M, sinh ngày 07/11/200L. Trong trường hợp ly hôn, ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Duy Q và Nguyễn Quang M khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày của cháu Nguyễn Duy Q và Nguyễn Quang M thể hiện quan điểm trong trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu Q có nguyện vọng muốn ở với mẹ, cháu M có nguyện vọng muốn ở với bố.

Về tài sản chung: Ông không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho bà Phạm Thị D được ly hôn ông Nguyễn Quốc H;

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Duy Q, sinh ngày 07/11/200L cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Quang M, sinh ngày 07/11/200L cho ông Nguyễn Quốc H trực tiếp nuôi dưỡng . Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bênkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bà Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và biên bản làm việc ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng thể hiện ông H đang trú tại số 3/225 T, phường T, quận L, Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Quốc H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Về hôn nhân:

Việc kết hôn giữa bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Quốc H tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đều xác nhận là vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống trong cách làm ăn, sinh hoạt. Bà D trình bày từ năm 2015 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ông H chỉ đồng ý ly thân mỗi người sống một nơi mà không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ muốn giữ cả bố và mẹ cho con. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm hạnh phúc và tình cảm đó phải được xuất phát từ cả hai bên. Nay hai bên đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn là phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương vì vậy yêu cầu của bà D được ly hôn với ông H là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai bên có con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 13/02/199P đến nay đã thành niên, Nguyễn Duy Q, sinh ngày 07/11/200L và Nguyễn Quang M, sinh ngày 07/11/200L. Sau khi ly hôn, bà D có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Duy Q và Nguyễn Quang M khi các con đủ 18 tuổi. Trong trường hợp ly hôn, ông H cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Duy Q và Nguyễn Quang M khi các con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận định nguyện vọng trên của bà D và ông H đều là chính đáng. Tuy nhiên cả bà D và ông H đều có việc làm ổn định, có thu nhập, có thể đảm bảo tốt cho việc sinh hoạt và học tập của các cháu. Đồng thời tại đơn trình bày của cháu Nguyễn Duy Q và Nguyễn Quang M thể hiện quan điểm trong trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu Q có nguyện vọng muốn ở với mẹ, cháu Minh có nguyện vọng muốn ở với bố nên giao con chung Nguyễn Duy Q cho bà Phạm Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung Nguyễn Quang M cho ông Nguyễn Quốc H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà Phạm Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm

a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Quốc H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Duy Q, sinh ngày 07/11/200T cho bà Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, giao con chung Nguyễn Quang M, sinh ngày 07/11/200T cho ông Nguyễn Quốc H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà D đã nộp theo biên lai số 0004663 ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Quốc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân;
- UBND phường Mê Linh, quận Lê Chân, Hải Phòng(GCNKH2001);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Nam Ninh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân;
- UBND phường Mê Linh, quận Lê Chân, Hải Phòng(GCNKH2001);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Nam Ninh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- UBND phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng(GCNKH2013);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Nam Ninh